

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:110/2022/HSST
Ngày:16-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Quyên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bền

Ông Trần Công Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bé Thị Huệ- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Trinh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:104/2022/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo:

Huỳnh Minh T (H), sinh năm 1974. Nơi sinh: Tỉnh Tiền Giang. Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: ấp PH, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1955; vợ: Dương Thị Minh T, sinh năm 1980 (đã ly hôn theo quyết định số 183/2015/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2015), có 03 con lớn nhất sinh năm 1999 nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Huỳnh Minh T sống chung như vợ chồng với chị Đàm Thị Khả T2, không đăng ký kết hôn và có một con chung tên Đàm Trọng N, sinh ngày 12/4/2018.

Khoảng 10 giờ ngày 15 tháng 3 năm 2022, chị T2 chở con đi dự tiệc tại ấp Phú Quới, xã Phú Phong, chị T2 có điện thoại xin bị cáo T mời bạn về nhà tổ chức

uống rượu nhưng bị cáo T không đồng ý. Sau khi dự tiệc, chị T2 về nhà tại địa điểm kinh doanh vật liệu xây dựng Duy Tân tại ấp PH, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày bị cáo T đi công việc về, đã có uống rượu, bị cáo T thấy không đóng cửa kho vật liệu xây dựng nên vô cớ dùng tay đánh vào mặt chị T2, dùng chân đạp vào người chị T2 nhiều lần gây thương tích, sự việc được camera của cửa hàng ghi lại. Chị T2 có đơn yêu cầu xử lý hình sự T.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn video ghi lại diễn biến sự việc “Cố ý gây thương tích”, lưu cùng hồ sơ vụ án.

- 01 (một) đôi dép bằng da màu nâu đã cũ, bị cáo mang khi đạp vào người chị T2.

* Kết luận giám định pháp y về thương tích số 98/2022/TgT ngày 05/4/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận: tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Đàm Thị Khả T2 là 01%, thương tích do vật tày gây nên.

Quá trình điều tra, bị cáo Huỳnh Minh T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, vật chứng thu giữ và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường cho chị T2 số tiền 10.000.000đồng.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại Đàm Thị Khả T2 đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu gì khác.

Bản cáo trạng số 82/CT-VKSCT ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã truy tố bị cáo Huỳnh Minh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ: Điểm i Khoản 1 Điều 134; Điều 36, khoản 1 Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Đề nghị: Xử phạt bị cáo Huỳnh Minh T từ **06 (Sáu) tháng đến 01 (Một) năm** cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Về trách nhiệm dân sự: bị hại không có yêu cầu bồi thường do bị hại đã nhận 10.000.000đồng tiền bồi thường thiệt hại. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Bị hại đồng ý nhận nên ghi nhận.

Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo làm nghề buôn bán thu nhập không ổn định nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 (một) đôi dép bằng da màu nâu đã cũ; 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn video ghi lại diễn biến sự việc “Cố ý gây thương tích”, lưu cùng hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 2 Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo T tự bào chữa: Thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát huyện Châu Thành, truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ đã thể hiện.

Ý kiến của người bị hại về hành vi phạm tội của bị cáo: đề nghị Tòa án xét xử nghiêm minh đúng pháp luật; về bồi thường dân sự do bị hại đã nhận được bồi thường nên không yêu cầu bị cáo bồi thường, bị cáo tự nguyện bồi thường thêm 30.000.000đồng, bị hại đồng ý nhận.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo nhận thấy mình có lỗi, biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo hứa sẽ không tái phạm, bị cáo xin lỗi bị hại và gia đình bị hại và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Cơ quan Điều tra công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, chứng cứ và các tài liệu khác do cơ quan điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định:

Vào ngày 15/3/2022 tại ấp PH, xã PP, huyện CT, tỉnh Tiền Giang, khi bị cáo đi vườn về có uống rượu bị cáo T thấy không đóng cửa kho vật liệu xây dựng nên bị cáo đi vào nhà gặp chị T2 và đã có hành vi dùng tay chân đánh đập vào người chị T2, bị cáo dùng tay đánh vào mặt chị T2, chị T2 té ngồi xuống thì bị cáo tiếp tục dùng chân đạp vào đầu chị T2 nhiều lần gây thương tích với vết thương vùng đỉnh chẩm trái tỷ lệ 01% (một phần trăm), hành vi của bị cáo mang tính chất côn đồ, hung hãn, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt vô cớ gây thương tích cho chị T2.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tác động xác đến tình hình trật tự xã hội ở địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo nhận thức được dùng tay đánh vào mặt, dùng chân đánh đập vào đầu bị hại nhiều lần là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm gây thương tích cho bị hại, thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo, thể hiện tính côn đồ, hung hãn.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị cáo là lao động chính trong gia đình, trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ đã lớn tuổi, và trực tiếp cấp dưỡng nuôi con. Về nhân thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Do đó Hội đồng xét xử cần cho bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội để tạo điều kiện cho bị cáo được cải tạo tại địa phương dưới sự giám sát của gia đình và chính quyền địa phương đảm bảo tính nhân văn của pháp luật hình sự, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, cố gắng cải tạo để trở thành người có ích cho xã hội, nên áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội theo Điều 36 Bộ luật hình sự.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường là 10.000.000 đồng nên không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật. Bị hại đồng ý nhận nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn video ghi lại diễn biến sự việc “Cố ý gây thương tích”, lưu cùng hồ sơ vụ án.

- 01 (một) đôi dép bằng da màu nâu đã cũ, bị cáo mang khi đập vào người chị T2, không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về khấu trừ thu nhập: Bị cáo làm nghề buôn bán thu nhập không ổn định nên bị cáo được miễn khấu trừ thu nhập theo quy định tại khoản 3 Điều 36 Bộ luật hình sự.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Minh T (H)** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Về hình phạt:

Căn cứ:

- Điểm i Khoản 1 Điều 134; Điều 36; khoản 1 Điều 50; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Minh T (H) **01 (Một) năm** cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Phú Phong, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo Huỳnh Minh T (H) cho Ủy ban nhân dân xã Phú Phong giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo Huỳnh Minh T (H) có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng đối với bị cáo Huỳnh Minh T.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo Huỳnh Minh T bồi thường thêm cho bị hại Đàm Thị Khả T2 số tiền 30.000.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị T2 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo T chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu tiêu hủy 01 (một) đôi dép bằng da màu nâu đã cũ; 01 (một) đĩa DVD lưu trữ 02 đoạn video ghi lại diễn biến sự việc “Cố ý gây thương tích”, lưu cùng hồ sơ vụ án.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/8/2022)

4. Về án phí:

Căn cứ: khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Huỳnh Minh T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKS ND huyện Châu Thành;
- VKS ND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- Cơ quan Thi hành án hình sự h. Châu Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã Phú Phong;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Đỗ Thị Hồng Quyên